



## TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

**1. Tên thuốc:** Mộc hoa trắng - HT.

**2. Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc.**

"Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng "

"Để xa tầm tay trẻ em "

"Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc"

**3. Thành phần công thức thuốc.**

Dược chất	
Cao mộc hoa trắng (tương đương với mộc hoa trắng ( <i>Cortex holarrhenae spissum</i> ))	136 mg (1237,6 mg)
Berberin clorid	5 mg
Cao mộc hương (tương đương với mộc hương ( <i>Saussureae lappae</i> ))	10 mg (100 mg)
Tá dược: Amidon (tinh bột mì), povidon , talc, PEG 6000, titan dioxyd, HPMC 604, HPMC 615, màu sunset yellow vừa đủ 1 viên.	

**4. Dạng bào chế:** Viên nén bao phim.

**5. Chỉ định.**

Chữa lỵ amíp ở cả 2 thể hoạt động và kén.

Dùng trong các trường hợp đau bụng, tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường ruột, hội chứng viêm đại tràng cấp và mãn tính do lỵ amíp.

**6. Cách dùng, liều dùng.**

Các tình trạng bệnh cụ thể do bác sỹ chỉ dẫn.

Liều trung bình:

- Người lớn mỗi lần uống 2 - 3 viên, 3 lần/ ngày, sau 4 - 5 ngày mỗi lần 2 viên chia 2 lần

- Trẻ em uống 1 - 2 viên, ngày 2 - 3 lần.

**7. Chống chỉ định.**

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Phụ nữ có thai.

**8. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc.**

Thuốc có chứa tinh bột mỳ, người bệnh dị ứng với bột mỳ (trừ bệnh celiac) không nên dùng thuốc này.

Với màu sunset yellow có thể gây ra phản ứng dị ứng.

**9. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú**

Phụ nữ có thai: Không sử dụng.

Phụ nữ cho con bú: Có thể sử dụng.

**10. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.**

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

**11. Tương tác, tương kỵ của thuốc.**

Do không có các nghiên cứu về tính tương tự của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

**12. Tác dụng không mong muốn của thuốc.**

Chưa có báo cáo.

**13. Quá liều và cách xử trí.**



**Tiêu hóa:** Viêm dạ dày, nhiễm nấm *Candida*, khô miệng.

**Gan:** Viêm gan vàng da hoặc không vàng da, bệnh não ở người suy gan.

**Hô hấp:** Co thắt phế quản.

**Cơ - xương:** Đau khớp, đau cơ.

**Niệu - đực:** Viêm thận kẽ.

**Hướng dẫn cách xử trí ADR**

Phải ngừng thuốc khi có biểu hiện tác dụng không mong muốn nặng.

**Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc**

**Quá liều và cách xử trí:**

Chưa có thông tin về ảnh hưởng ở người và chỉ định đặc biệt để điều trị quá liều. Liều uống đến 160 mg vẫn được dung nạp tốt.

**Dạng trình bày**

Hộp 10 vỉ, mỗi vỉ chứa 10 viên nang cứng

**Hạn dùng**

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Tiêu chuẩn**

Nhà sản xuất

**Bảo quản**

Bảo quản thuốc ở nơi khô thoáng, nhiệt độ  $\leq 30^{\circ}\text{C}$ , tránh ánh sáng.

**Để thuốc xa tầm tay trẻ em.**

**Nhà Sản xuất**

Công Ty TNHH US Pharma USA

Lô B1 - 10, đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam.

Mọi thắc mắc và thông tin chi tiết, xin liên hệ về số điện thoại 08- 37908860

